

Nội dung bài viết

1. Những bài văn mẫu lớp 8: Phân tích 8 câu đầu bài Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Những bài văn mẫu lớp 8: Phân tích 8 câu đầu bài Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Bài văn mẫu 1:

Tình yêu luôn là chủ đề muôn thuở trong văn học và cũng là nguồn cảm hứng bất tận của thi nhân. Nếu tình yêu trong thời bình gắn với những ngọt ngào, thơ mộng, thì tình yêu trong thời chiến lại gắn liền với sự chờ đợi mỏi mòn và sự biệt ly đau đớn. Nếu thời Đường ở Trung Quốc, Vương Xương Linh oán ghét chiến tranh phi nghĩa, cảm thông cho tâm trạng người thiếu phụ phòng khuê mà viết nên những vần thơ xúc động:

*“Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật ngưng trang thướt lâu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hồi giao phu tể mịch phong hầu”*

(Khuê oán – Vương Xương Linh)

Thì trong thời Lê ở nước ta, Đặng Trần Côn đã cảm thông sâu sắc trước số phận những người phụ nữ có chồng đi lính mà làm nên tuyệt tác “Chinh phụ ngâm”. Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” thuộc tác phẩm trên đã chạm đến tận cùng trái tim người đọc khi tái hiện hoàn cảnh cô độc, nỗi nhớ thương da diết của người phụ nữ khi có chồng ra trận cùng với ước mơ về hạnh phúc đoàn tụ. Điều ấy được đặc tả trong 8 câu đầu đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”.

Chinh phụ ngâm” ra đời vào khoảng thế kỷ XVIII, đầu đời Lê Hiến Tông, khi phong trào khởi nghĩa nông dân diễn ra liên miên, triều đình đi đầu binh lính đi dẹp loạn. Điều đó dẫn đến việc nhiều gia đình rơi vào cảnh ly biệt kẻ ở người đi, vợ mất chồng, mẹ mất con. Số phận và bi kịch của những con người nhỏ bé trong cái xã hội phong kiến đang đứng bên bờ vực thẳm ấy đã lay động trái tim của Đặng Trần Côn.

Sau khi tiễn chồng ra trận, người chinh phụ bơ vơ chốn khuê phòng vắng lặng, lạnh lẽo, nỗi khổ tâm của nàng được bộc lộ qua hành động và ngoại cảnh.

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.”*

Không gian “hiên vắng”, “ngoài rèm”, “trong rèm” là không gian chật hẹp, tù túng vắng lặng và hiu hắt chỉ có vang vọng tiếng bước chân của người lẻ bóng. Đây là một không gian nghệ thuật đã góp phần thể hiện tâm trạng của người chinh phụ. Không gian vắng lặng lúc này là để giải bày nỗi lòng mình và càng tô đậm thêm sự lẻ bóng của nàng.

“Hiên vắng” bởi lẽ không có người quan trọng nhất kề bên nàng lúc này. Tâm trạng người chinh phụ cô đơn, lẻ loi trải dài khắp không thời gian. Ở mọi không gian, khoảnh khắc người chinh phụ đều chỉ một mình một bóng. Người chinh phụ dạo bước trong hiên vắng, vừa đi vừa thẩn thẩn đếm bước chân mình, như đếm từng ngày chông chênh đi.

Qua 8 câu thơ đầu ta thấy những bước chân lặng lẽ của nàng nặng trĩu u sầu, đọng đầy thương nhớ, như bước chân người cung nữ trong “Cung oán ngâm” của Nguyễn Gia Thiều: “Ngán trăm chiều bước lại ngẩn ngơ”. Sự bần thần, khắc khoải, mong chờ được khắc họa qua những hành động lặp đi, lặp lại, hết đứng lại ngẩn, hết ra ngoài hiên rồi lại bước vào phòng, kéo rèm trông tin chim thước rồi lại rủ rèm. Những hành động vô nghĩa ấy được lặp đi lặp lại trong vô thức, nàng chẳng còn bận tâm mình đang làm gì bởi tâm trí nàng giờ dồn hết vào người chông chênh đang nơi chiến trận biên ải xa xôi.

*“Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?”*

Không gian ngày càng tù túng. Với nàng, không gian lúc này chỉ được xác định bằng vị trí của tấm rèm “trong rèm”, “ngoài rèm” mà thôi. Không gian càng thu hẹp như tâm trạng của người chinh phụ lúc này ngày càng chìm trong cô độc. Nàng khát khao được đồng cảm, sẻ chia mong tin chim thước đến báo tin chông chênh trở về nhưng chim thước nào có đến, mong ngọn đèn hiểu thấu và soi tỏ nỗi lòng mình nhưng đèn lại vô tri vô giác không thể cùng người an ủi, sẻ chia nỗi buồn cô lẻ.

Nàng nhận ra rằng càng hi vọng, mòn mỏi trông chờ nàng càng hụt hẫng, tuyệt vọng. Khát khao sum vầy đoàn tụ, khát khao hơi ấm gia đình của nàng càng khiến nàng đau đớn, thất vọng. Câu hỏi tu từ và điệp từ “rèm” lặp lại ba càng đẩy nàng vào bế tắc, cái bế tắc của xã hội phong kiến suy tàn, của triều đình loạn lạc khiến niềm tin của con người về tình yêu, hạnh phúc không còn giá trị. Có thể thấy, phân tích 8 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ khiến ta đồng cảm và thương cảm xiết bao về số phận cũng như tâm trạng mòn mỏi đợi chờ của những người phụ nữ xưa.

Người chinh phụ hết mong ngày, lại mong đêm, khi bóng tối cô đơn tịch mịch kéo xuống bao trùm lấy nàng, nàng chỉ có thể làm bạn với bóng đèn. Nhưng ngay ở câu thơ sau nàng lại phủ nhận:

*“Đèn có biết đường bằng chẳng biết,
Lòng thiệp riêng bi thiết mà thôi. ”*

Bởi đèn vô tri chỉ có thể soi tỏ bóng dáng cô quạnh của nàng nhưng làm sao có thể chia sẻ được. Tấm lòng này chỉ có một mình mình biết, một mình mình hay. Trong quá trình cảm nhận 8 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, ta thấy từ “bi thiết” là một động từ mạnh cực tả cảm giác cô đơn và sự khát khao được đồng cảm của chinh phụ trong đêm vắng.

Điệp ngữ bắc cầu “Đèn biết chẳng” – “đèn có biết” đã góp phần cho thấy biên độ nỗi nhớ trong nàng ngày càng tăng. Hình ảnh ngọn đèn không chỉ làm nổi bật sự cô quạnh khát khao chia sẻ của nàng mà còn là nhân chứng cho thấy người chinh phụ đã thao thức canh dài. Đặng Trần Côn mượn cây đèn đang tàn mà ẩn dụ sự trôi đi nhanh chóng của thời gian, sự tàn lụi, héo hon của kiếp người. Khi cảm nhận 8 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, ta bỗng nhớ đến ngọn đèn với nỗi nhớ tình yêu ấy trong bài ca dao “Khăn thương nhớ ai”

*“Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt?
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên
Đêm qua em những lo phiền
Lo vì một nỗi không yên một bề”*

(Ca dao)

Hình ảnh ngọn đèn trong bài ca dao cũng nói về nỗi nhớ của cô gái trong tình yêu và những lo lắng băn khoăn về tương lai. Thế nhưng, nếu cô gái trong bài ca dao trên nỗi lo lắng chỉ dừng lại ở liệu mai sau có cái kết viên mãn cho mối tình mới chớm thì nỗi lo của người chinh phụ là sự sinh ly tử biệt. Bởi lẽ chiến tranh xảy ra, mấy người đi có mấy người trở về? Khát khao thấu hiểu chia sẻ để rồi nhận ra thực tại phũ phàng không ai có thể cùng nàng chia sẻ đồng cảm. Nỗi nhớ cứ thế mà tăng dần và nàng cũng càng thêm cô quạnh...

*“Buồn rầu nói chẳng nên lời
Hoa đèn kia với bóng người khá thương”*

Từ thuần việt “*buồn rầu*” đã diễn tả chân thật và sinh động nỗi buồn của người chinh phụ trong giây phút này. “*Nói chẳng nên lời*” vì nỗi buồn miên man không thể diễn tả được hay vì nói ra cũng chẳng ai sẽ chia. Nàng giờ đây một mình cô đơn không chỉ trong không gian mà còn trong cả tâm tư. Khi cảm nhận 8 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, người đọc cũng nhận ra cụm từ “*hoa đèn*” cho thấy đêm đã gần

tàn, người chinh phụ đã ng ỡ trước bóng đèn ấy rất lâu. Nỗi nhớ trào dâng như chính tâm trạng của những cô gái trong câu ca dao:

*“Nhớ ai ra ng ải vào ng ơ
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai”*

(Ca dao)

Hay những v ần ca dao:

*“Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than”*

(Ca dao)

Nhưng với những cô gái trong ca dao trên đó là nỗi nhớ tương tư khát khao gặp mặt trong tình yêu. Còn đối với người chinh phụ đó không đơn thuần là nỗi nhớ mà còn là sự bất an, lo lắng cho người chinh phụ. Bởi giữa thời buổi loạn lạc, nhà có người đi lính, ‘họa có mấy khi có người về báo tin chiến trận.

Như người xưa từ nói “*Cố lai chinh chiến kỷ nhân hồi?*”. Không nghe tin ch ồng nàng chỉ có thể chờ đợi trong lo sợ, nàng như chết dần chết mòn vì sự bi thiết trong lòng, sự bi thiết đến từ nỗi chờ mong trong cô lẻ, triền miên. “Bóng người” ở đây chính là bóng người chinh phụ chờ ch ồng trông nhớ thương hay chính là hình ảnh người chinh phụ héo hon, tàn tạ chờ ch ồng giống như cái bóng mỗi mòn, như hoa đang lụi tàn dần. Khi cảm nhận 8 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, ta cũng thấy tâm trạng ấy phần nào giống với nàng Kiều

*“Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi”*

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Như vậy, các yếu tố ngoại cảnh đã nói hộ cho nỗi lòng vò vố của chinh phụ ngóng ch ồng đi chinh chiến. Ngọn đèn tắt, bỏ lại người chinh phụ cô quạnh trong đêm dài tịch mịch u sầu. Nỗi cô đơn tràn ngập không gian và kéo dài vô tận theo thời gian luôn đeo đẳng, ám ảnh nàng. Cảnh vật xung quanh không thể san sẻ mà ngược lại như cộng hưởng với nỗi sầu miên man của người chinh phụ, khiến nàng càng đớn đau, sầu tủi. Có thể thấy rằng, khi cảm nhận 8 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, ta cũng nhận ra số phận cùng nỗi cô đơn đến cùng cực của những người phụ nữ...

Văn học là người thư ký trung thành của trái tim. Chỉ với 8 câu đầu, tác phẩm đã chạm vào trái tim người đọc, gieo vào đó những cảm xúc sâu lắng về nỗi buồn, sự cô đơn của người chinh phụ trong cảnh chờ đợi mỏi mòn. Qua đó, ta thấy được trái tim nhân đạo của người nghệ sĩ. Chính đi đầu đó đã góp phần tạo nên sức sống cho tác phẩm. Và “Chinh phụ ngâm” xứng đáng với lời nhận xét “*Thời gian có thể phủ bụi một số thứ. Nhưng cũng có những thứ càng rời xa thời gian, càng sáng, càng đẹp*”. (Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên).

Bài văn mẫu 2:

“Chinh phụ ngâm khúc” bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn, một danh sĩ hiệu học, tài ba sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII, là một kiệt tác trong nền văn học cổ điển Việt Nam-đã được sự hóa thân kì diệu qua bản tương truyền của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” là sự thể hiện sâu sắc nhất cảm hứng nhân đạo và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của áng thơ “Chinh phụ ngâm khúc”. Câu thơ nào cũng đầy ắp tâm trạng nhớ nhung sâu muộn của nàng chinh phụ, nhất là tám câu đầu đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”:

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”*

Ngôi nhà, phòng khuê giờ đâu trở nên thật tối tăm, chật chội. Người vợ trẻ dường như đã chờ chờng từ lâu lắm rồi. Nàng luôn khắc khoải mong chờ chờng, nỗi cô đơn như bao trùm lấy nàng:

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?”*

Nàng dường như quên hết mọi thứ xung quanh. Cái cô đơn, khắc khoải ở trong tâm trí đã len lỏi, gặm nhấm nàng để rồi nó hiện thành hình hài qua dáng vẻ thơ thơ, thần thần như người mất hồn. Nhịp thơ chậm gợi cảm giác như thời gian ngưng đọng. Giữa không gian tịch mịch, tiếng bước chân như gieo vào lòng người âm thanh lẻ loi, cô độc. Dáng vẻ ủ ê, ngao ngán, bẽ ngoài gây gò khắc sâu, hằn nếp nỗi đau trong tim.

nàng thật bơ vơ, lạc lõng, lại đáng thương quá đỗi. Nàng biết làm gì đây khi ngày lại tiếp ngày, đêm lại tàn đêm trong nỗi nhớ mong vô vọng. Hết ngày lại đứng, hết đứng lại đi, tâm trạng bộn bề, buồn rầu xuống lại kéo rờn lên, chỉ một mình một bóng giữa đêm khuya. . Đã lâu lắm rồi “thước chẳng mách tin” không có một lá thư, cũng không có người thân qua lại.

Nội tâm của nhân vật gần như được lột tả trọn vẹn từ dáng vẻ bên ngoài đến những xáo trộn bên trong. Đáp lại cho những mong mỏi của nàng chỉ có một sự im lặng, im lặng đến rợn người. Nàng không khóc mà ta như cảm được bao dòng lệ chứa chan tủi hờn đã cạn, đã thấm sâu vào nỗi buồn mênh mang không lối thoát.

*“Sầu ôm nặng hãy chôn làm gôi
Muộn chửa đây hãy thổi thành cơm. ”*

Trong sự cô đơn, lẻ loi người chinh phụ lại càng mong có người đồng cảm và chia sẻ tâm tình:

*“Đèn có biết đường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương. ”*

Có ai hay cho cảnh biệt li nào nhen này? Không ai cả! Chỉ có một mình nàng trong canh vắng, nàng chỉ có người bạn duy nhất là ngọn đèn vô tri vô giác. Phải chăng tác giả đưa ánh đèn đến cùng nàng để mong xua bớt cái tịch liêu của đêm tối hay cũng chính là cõi lòng tan nát của nàng? Có thể như vậy. Nhưng ta còn thấy gì sau hình ảnh đó? Một chiếc đèn khuya in bóng dáng lẻ loi của một người con gái trong canh trường liêu có xua tan được phần nào sự cô tịch của đêm? hay nó càng khoắc khoải sâu hơn nữa cái hình ảnh đáng thương đó. Tả đèn chính là để tả không gian mênh mông và sự cô đơn của con người. Biện pháp này khá phổ biến trong thơ xưa, mang tính biểu cảm cao: “Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt”. Hình ảnh đèn ở đây được nhắc đến liên tiếp trong ba câu thơ là vì vậy. Nhìn ngọn đèn cháy năm canh, dẫu đã cạn, bắc đã tàn, nàng chợt liên tưởng đến tình cảnh của mình và trong lòng rưng rưng nỗi thương thân trách phận. Thương cho đèn rồi lại thương cho lòng mình bi thiết.

*“Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương. ”*

Về nghệ thuật, với thể thơ song thất lục bát, cách dùng từ, hình ảnh ước lệ, đoạn thơ đã thể hiện một cách tinh tế các cung bậc sắc thái tình cảm khác nhau của nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ luôn khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi. Về nội dung, đoạn trích cũng thể hiện tấm lòng thương yêu và cảm thông sâu

sắc của tác giả với khát khao hạnh phúc chính đáng của người chinh phụ. Cất lên tiếng kêu nhân đạo, phản đối chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

Qua đoạn thơ, ta cảm nhận chất nhạc lời cuốn trong thơ song thất lục bát, khả năng lớn lao của tiếng Việt trên lĩnh vực trữ tình. Đoạn thơ giàu giá trị nhân văn, đã thể hiện sâu sắc và cảm động sự oán ghét chiến tranh phong kiến và niềm khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ giữa thời chiến tranh loạn lạc trong xã hội cũ.

Bài văn mẫu 3:

Đặng Trăn Côn là một tác giả nổi tiếng bởi tài nghệ văn chương lừng danh gắn liền với nhiều tác phẩm mang đậm giá trị thời đại. Trong đó, “Chinh phụ ngâm” là một tác phẩm thuộc thể loại ngâm khúc đã làm nên tên tuổi của ông bởi giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc. Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” chính là một phần của tác phẩm này, nó thể hiện nỗi mong nhớ da diết của người chinh phụ khi chồng chinh chiến nơi sa trường. Đặc biệt, tám câu thơ đầu của đoạn trích sẽ giúp người đọc cảm nhận sâu sắc nhất về tình cảnh trống vắng cùng những cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình.

Mở đầu đoạn trích là tâm trạng rối bời của người chinh phụ được thể hiện qua những hành động vô thức:

*Đạo hiên vắng thầm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen*

Đây phải chăng là lời than thở triền miên, da diết của người phụ nữ có chồng đang chinh chiến nơi sa trường. Tác giả đã sử dụng bút pháp miêu tả nội tâm thông qua ngoại cảnh để miêu tả hành động lặp đi lặp lại trong vô thức, không có mục đích của người chinh phụ. Qua hành động đó, ta như hình dung được dáng vẻ buồn rầu, không nói nên lời của người chinh phụ nơi hiên vắng thẫn thờ đợi chồng về từ phương xa.

Bấy giờ đã là chiều tối - khoảng thời gian ảm đạm, hắt hiu nhất của một ngày - người chinh phụ lại đang gieo từng bước nơi hiên vắng lặng. Chính không gian, thời gian đó đã tô đậm bước chân cô đơn, quạnh vắng của người chinh phụ. Trong khung cảnh đó, người ta đang sum họp bên gia đình sau một ngày dài, thì người chinh phụ lại chỉ có một mình lẻ bóng, không có chồng cạnh bên vỗ về.

Cảm giác trống vắng dường như bủa vây nơi trái tim người phụ nữ, khiến cho bước chân của nàng cũng thật chậm rãi và mệt mỏi. Mỗi một bước chân là một tiếng thở dài cho những nỗi chất chứa trong lòng, cho nỗi ưu tư phiền muộn của người phụ nữ đang mong ngóng tin chồng trở về. Nhưng rồi, người chinh phụ chỉ có thể quặn thắt lòng bởi vì đáp lại cũng chỉ là tiếng bước chân âm thầm của mình.

Hành động buông rèm của người chinh phụ cũng là một hành động lặp đi lặp lại trong vô thức, chẳng có mục đích rõ ràng. Đó phải chăng là hành động che lấp đi sự tù túng, nóng ruột của người phụ nữ? Hay là nỗi nhớ nhung da diết đan xen với sự lo lắng cho an nguy của chồng mình? Nỗi nhớ da diết cùng sự mong ngóng tin chồng như dằn nén ở người chinh phụ, để rồi tô đậm cảm giác cô đơn buồn tủi của nàng. Nhưng rồi, càng mong ngóng, đáp lại nàng vẫn là hiện thực đau thương.

*“Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng”*

Thước là một loài chim báo tin người đi xa trở về. Nhưng mặc cho người đang ngóng trông, thước lúc này lại im bất khiến cho nỗi nhớ cùng nỗi khắc khoải đợi mong của lòng người càng tăng lên gấp bội. Chim thước chưa mách tin, người chồng nơi xa vẫn chưa trở về, làm sao người được nỗi đau quặn thắt này? Nỗi đau ấy quá lớn khiến nàng càng có khát khao được sẻ chia, được tâm sự, được đồng cảm. Nhưng, đối diện với khung cảnh đau thương này, làm bạn với nàng cũng chỉ có ngọn đèn leo lét.

Sự cô đơn đến tột cùng đã khiến nàng phải tự hỏi, liệu ngọn đèn ấy có hiểu thấu lòng nàng, có chiếu sáng được tâm can rối bời của nàng, có sưởi ấm được sự ngui lạnh hiu quạnh của nàng? Nó có hiểu được sức nặng của cô đơn, có từng biết sự nhung nhớ dằn nén đau đớn đến mức nào? Dĩ nhiên, ngọn đèn chỉ là một vật vô tri vô giác, nó làm sao hiểu được lòng người. Đối diện với đi đầu đó, nàng vẫn muốn bày tỏ nỗi lòng của mình, hay đó chính là lời than thở, là hi vọng của nàng khiến nàng day dứt không yên?

*Đèn có biết dường bằng chẳng biết
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi*

Hình ảnh đèn được lặp lại hai lần như thể hiện sự giải tỏa tâm sự với ngọn đèn của người chinh phụ, nhưng một ngọn đèn vô tri vô giác làm sao hiểu rõ cảm giác cô đơn, buồn tủi ấy. Vậy nên, nàng chỉ có thể ôm mọi thứ gói vào lòng, để rồi nhìn ngọn đèn leo lét trong màn đêm tĩnh mịch, nỗi đau lại chồng thêm nỗi đau. Ngọn đèn là hình ảnh gợi nên sự sum họp, ấm áp của gia đình, nhưng với người chinh phụ, nó lại càng khắc sâu vào tim nàng nỗi cô đơn, khắc khoải, rối bời.

*"Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương”*

Người chinh phụ buồn rầu nói chẳng nên lời, nàng chẳng buồn nói, cũng chẳng muốn cười. Bên cạnh nàng giờ đây chỉ còn lại hoa đèn, cô đơn đến đáng thương

Hoa đèn là hình ảnh kết thúc cho tám câu thơ đầu tiên của đoạn trích. Hoa đèn là đầu bậc đèn dầu đã cháy như than, nhưng nó được nung đỏ lên nên trông như hoa, hay chính lòng nàng đang cháy đến tàn đỏ như hoa đèn kia. Trong bóng đêm phủ bởi sự im lặng dằng dặc, người chinh phụ chỉ có thể tâm sự, trò chuyện với ngọn đèn, với cái bóng của chính mình. Phải cô đơn, đau đớn đến bao nhiêu thì mới phải tìm đến những thứ vô tri vô giác mà trải lòng mình?

Qua đoạn trích trên, tác giả đã sử dụng một cách tài tình bút pháp nghệ thuật ước lệ, kết hợp thể thơ song thất lục bát cùng giọng thơ nhẹ nhàng tha thiết, nhịp điệu chậm rãi đã đặc tả được tâm trạng của người chinh phụ với những mạch cảm xúc và cung bậc khác nhau. Từ đó, nỗi cô đơn cùng lòng thương nhớ chồng đã bùng cháy khát khao cháy bỏng được sống hạnh phúc trọn vẹn bên người mình thương.

Đặc biệt, đoạn trích đã mang đến những giá trị nhân văn cao đẹp khi lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa cùng những khuôn phép hà khắc của phong kiến đã tước đoạt đi quyền được hạnh phúc của rất nhiều người phụ nữ xưa.